

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa
giao thông nông thôn năm 2023 trên địa bàn huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2023 trên địa bàn huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 176/TTr-PKHT ngày 09/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2023 trên địa bàn huyện, với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung phần bê tông hóa giao thông nông thôn

TT	Loại đường	Chiều dài (km)		Lượng XM hỗ trợ (tấn)	
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung	Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung
1	A	2,010	2,860	397,980	566,280

2	B	9,773	10,349	1.495,269	1.583,397
3	C	3,214	3,734	311,758	362,198
4	D	5,561	4,525	433,758	352,950
Tổng cộng		20,558	21,468	2.638,765	2.864,825

Trong đó, số liệu tổng hợp chiều dài các loại đường và lượng xi măng hỗ trợ cho từng địa phương như sau:

TT	Địa phương	Chiều dài loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		A	B	C	D			
1	Xã Phước Quang	-	-	0,213	0,042	0,255	23,937	Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo
2	Xã Phước Hưng	-	5,903	1,476	0,938	8,317	1.119,495	
3	Xã Phước Hiệp	1,160	2,880	0,841	1,550	6,431	872,797	
4	Xã Phước Thắng	0,700	0,260	0,520	0,225	1,705	246,370	
5	Xã Phước An	-	0,206	0,684	1,770	2,660	235,926	
6	Xã Phước Thành	1,000	1,100	-	-	2,100	366,300	
7	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
8	Xã Phước Thuận	-	-	-	-	-	-	
9	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-	-	-	
10	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	-	
11	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	-	
12	TT. Tuy Phước	-	-	-	-	-	-	
13	TT. Diêu Trì	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng		2,860	10,349	3,734	4,525	21,468	2.864,825	

2. Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường GTNT bị hư hỏng, với chiều dài các loại đường và lượng xi măng hỗ trợ cho từng địa phương như sau:

TT	Địa phương	Đường huyện	Đường xã	Loại A	Loại B	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Xã Phước Thắng	-	-	0,100	0,432	85,896	Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo
2	Xã Phước Thành	-	-	0,820	0,110	179,190	
3	TT. Tuy Phước	-	-	0,823	-	162,954	
4	TT. Diêu Trì	-	-	-	1,347	206,091	

5	Xã Phước Quang	-	-	-	-	-	Không đăng ký
6	Xã Phước Hưng	-	-	-	-	-	
7	Xã Phước Hiệp	-	-	-	-	-	
8	Xã Phước An	-	-	-	-	-	
9	Xã Phước Lộc	-	-	-	-	-	
10	Xã Phước Thuận	-	-	-	-	-	
11	Xã Phước Nghĩa	-	-	-	-	-	
12	Xã Phước Sơn	-	-	-	-	-	
13	Xã Phước Hòa	-	-	-	-	-	
Tổng cộng		-	-	1,743	1,889	634,131	

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện. Thời gian thực hiện Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2023 trên địa bàn huyện đến hết **ngày 29/8/2024**.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Xuân);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân